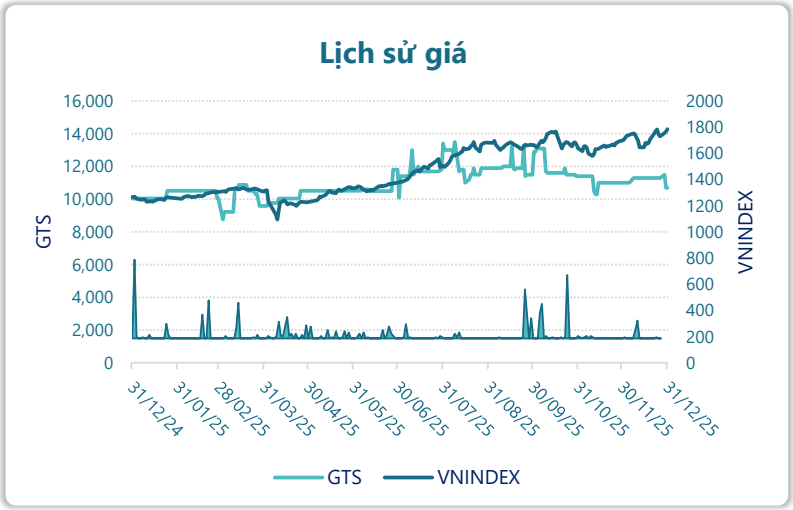
FireAnt

CTCP Công trình Giao thông Sài Gòn (UPCOM: GTS)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**10,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,757
SL cổ phiếu LH	28,499,764
KLGD BQ 20 phiên (CP)	431
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	305
P/E	6.6
EPS	1,626

DT thuần

Q4/25

1,389

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 862| 164%

YoY: ▲ 470| 51.1%

LN sau thuế

Q4/25

19.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.20| 47.7%

YoY: ▲ 0.90| 4.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

2.3%

+/- YoY: ▼ 1.0%

DT thuần

2025

2,473

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 971| 64.7%

LN sau thuế

2025

46.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5.90| 14.6%

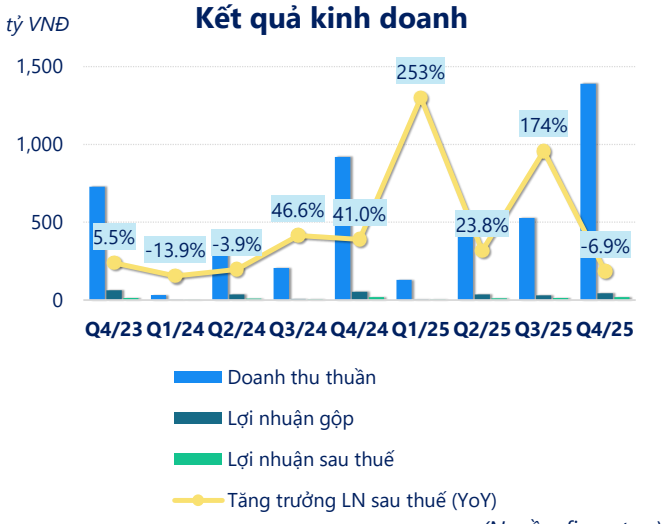
ROE

2025

13.5%

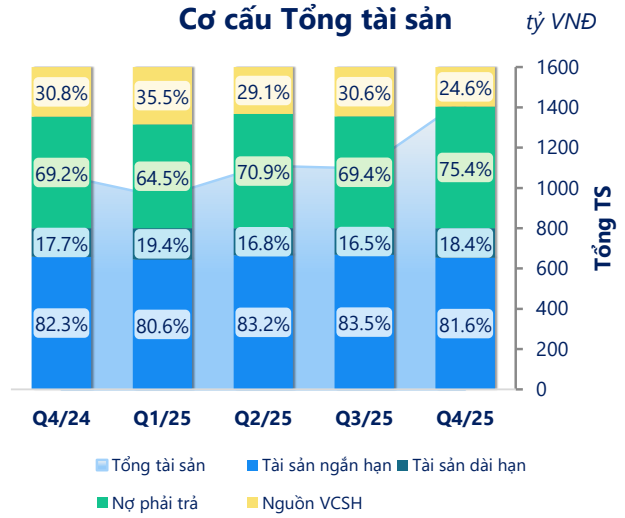
+/- YoY: ▲ 1.2%

Kết quả kinh doanh



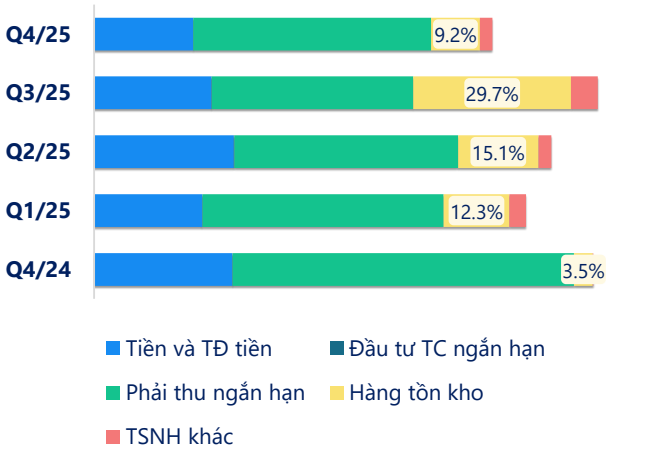
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



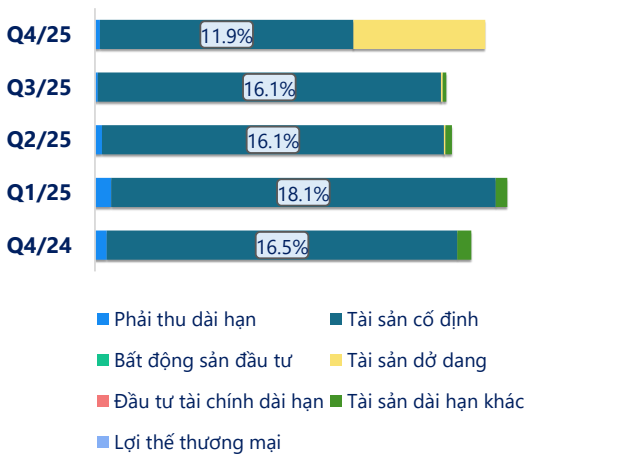
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



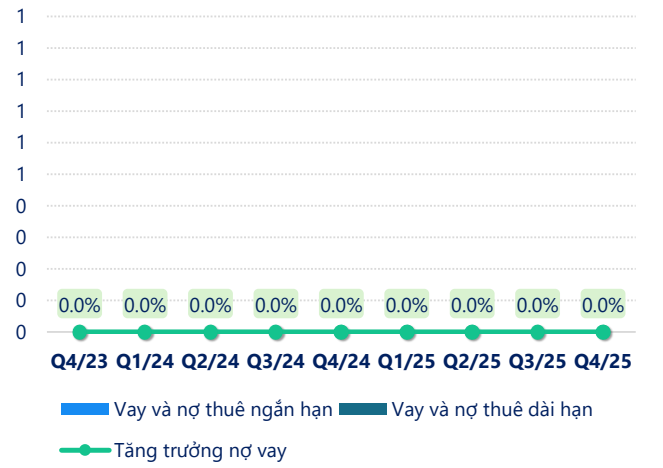
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



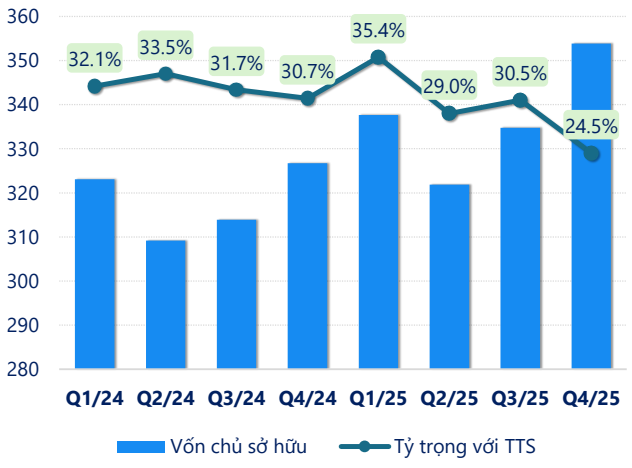
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



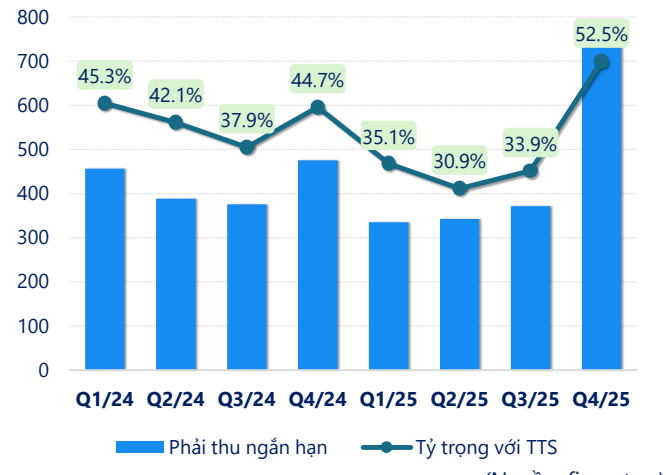
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



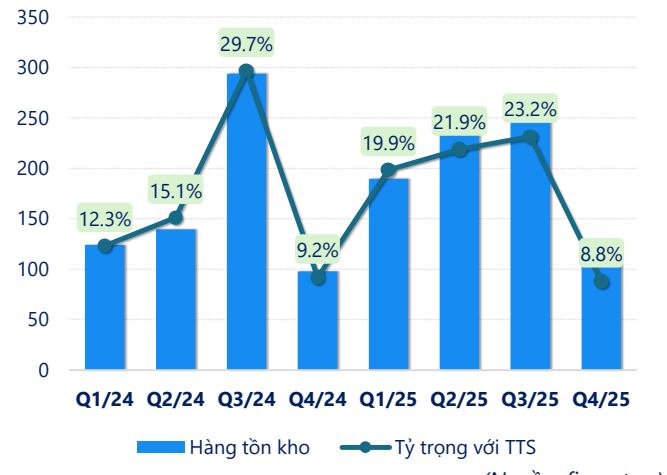
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



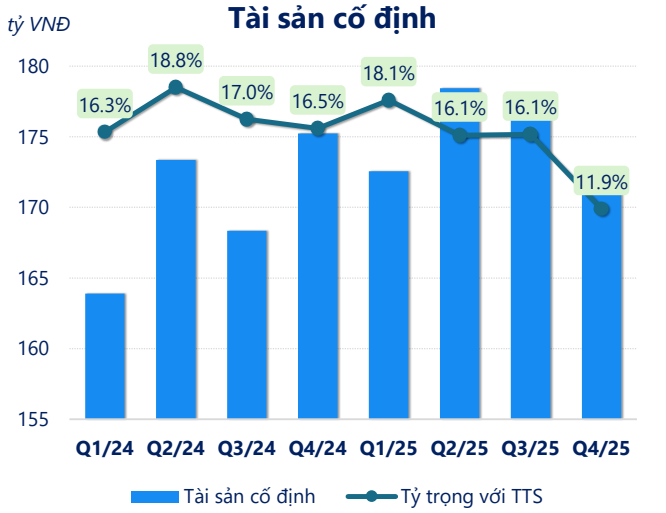
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



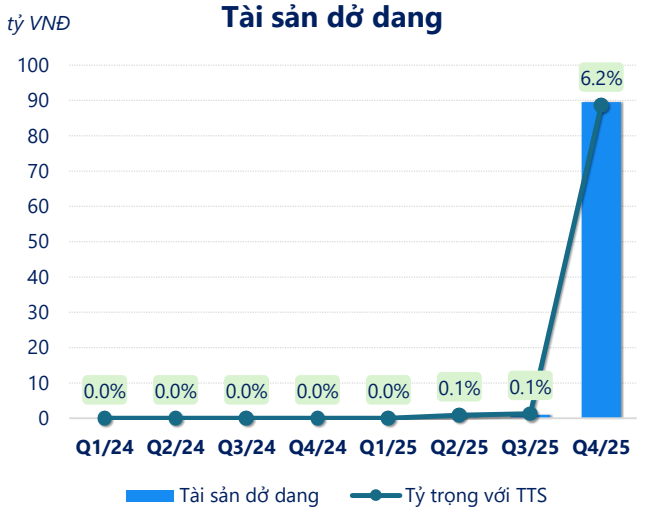
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



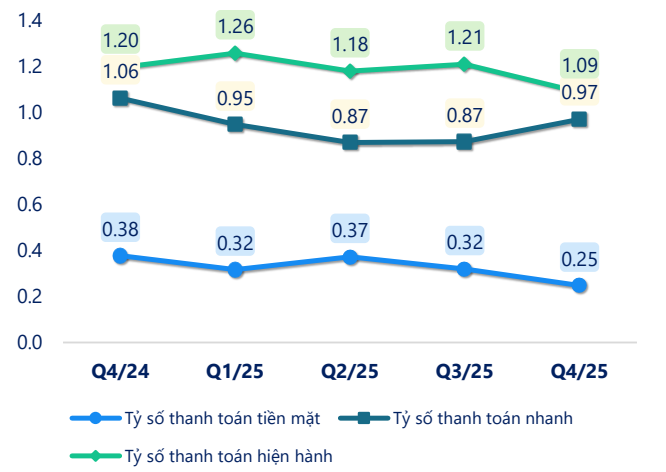
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



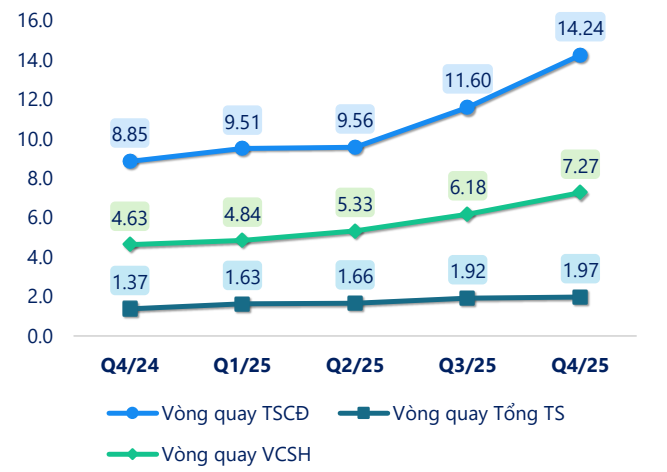
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**1,063**	**954**	**1,110**	**1,097**	**1,444**
Tài sản ngắn hạn	**875**	**769**	**923**	**916**	**1,179**
Tiền và tương đương tiền	276	194	292	242	268
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.76	0.76	0.78	0.79	0.79
Phải thu ngắn hạn	475	335	342	372	757
Hàng tồn kho	97.8	190	243	254	127
Tài sản ngắn hạn khác	24.9	50.0	45.5	47.5	25.1
Tài sản dài hạn	**188**	**185**	**186**	**181**	**265**
Phải thu dài hạn	5.90	7.23	3.67	1.46	3.37
Tài sản cố định	175	173	178	177	172
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0.68	0.98	89.5
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	6.98	5.23	3.49	1.74	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**736**	**616**	**787**	**762**	**1,089**
Nợ ngắn hạn	**732**	**612**	**783**	**758**	**1,083**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	200	128	127	138	399
Nợ dài hạn	3.79	4.08	4.08	4.08	5.72
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**328**	**339**	**323**	**336**	**355**
Vốn chủ sở hữu	**327**	**338**	**322**	**335**	**354**
Vốn điều lệ	285	285	285	285	285
Kinh phí và quỹ khác	0.92	0.92	0.92	0.92	0.92

(Nguồn: fireant.vn)